PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android_Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 45/ 2018

06/11/2018-12/11/2018

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này giảm 20% so với tuần trước, về mốc dưới 1.200 điểm, do giá thuê tàu Cape Size giảm mạnh gần 40%. Tuy nhiên, giá tàu handysize trẻ tuần này vẫn giữ nguyên và không giảm thêm so với tuần trước. Tàu Loveland Island (28.316 dwt đóng 2010 Nhật, vừa qua đà DD, 3 máy đèn) được chủ tàu Nhật bán với mức 9,5 triệu đô la Mỹ. Mức giá này tuy thấp hơn mức chủ tàu mong muốn (tầm 10 triệu đô la Mỹ) nhưng là tốt trong thời điểm hiện nay, nhất là nếu so sánh với tàu chị em Ocean Hawk (29.027 dwt đóng 2010 Nhật) bán 9,2 triệu đô la Mỹ tuần rồi. Ở phân khúc handysize già, tàu Olga (18.319 dwt đóng 1996 Nhật, DD/SS Apr 2020) được chủ tàu Đức bán với giá 3,2 triệu đô la Mỹ. Hiện nay nhiều tàu handysize già (đóng 1995-1998) đang chào bán trên thị trường nhưng rất ít người Mua nên người Bán phải giảm giá hấp dẫn thì mới có thể bán được trong thời điểm hiện nay.Ở phân khúc tàu bách hóa, những tàu đang có thể bán là những tàu đã có từ trước và thị trường chỉ có thêm một tàu cỡ nhỏ Glory Longevity (7,000 dwt đóng 2000 Nhật), bên cạnh đó thị trường Nhật ngày càng có ít tàu phù hợp với thị hiếu và khả năng mua tàu của người mua Việt Nam.

Ở mảng tàu dầu nhìn chung, cước ổn định từ thị trường thuê tàu trong thời gian vừa qua là nguyên nhân chính thúc đẩy giá trị giao dịch của phân khúc tàu chở dầu thô trên thị trường mua bán. Đơn cử, theo ghi nhận từ một số giao dịch trên thị trường, giá trị tàu Suezmax đã tăng trung bình 10-15% so với 3 tháng trước đó. Trong tuần vừa qua, chủ tàu Đức – Hansa Treuland đã giao dịch bán thành công tàu cỡ Aframax, HS Tosca (115.635 dwt đóng 2004 Hàn Quốc), cho người mua Hy Lạp – Spring Marine Bulk SA với giá 13,5 triệu đô la Mỹ, cao hơn so với mức trung bình của thị trường hiện tại.

Đối với phân khúc tàu chở dầu thành phẩm, ghi nhận tàu cỡ MR, Narodny Bridge (47.791 dwt đóng 2003 Hàn Quốc), đã được chủ tàu Nga – Sovcomflot ký kết bán cho người mua Ấn Độ - Seven Islands ở mức 8,5 triệu đô la Mỹ.

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Olga V	2017	Japan	81,645	Indians, Arcelor Mittal	30.00	
Taurus Ocean	2008	Japan	78,819	Greek	14.50	

Triton	2001	Korea	75,336	Undisclosed	7.35	
Genco Beauty	1999	Japan	73,941	Undisclosed	6.70	
Vela	2015	China	63,038	Greek	20.25	
New Kosmos	2005	Japan	56,011	Greek	11.15	
New Destiny	2007	Japan	53,554	Greek	11.85	
Samos Majesty	2009	Japan	50,790	Norwegian, Grieg Star	15.00	
Loveland Island	2010	Japan	28,316	Undisclosed	9.50	SS/DD Oct 2020
Olga	1996	Japan	18,319	Undisclosed	3.20	SS/DD Apr 2020
TANKERS						
Alter Ego I	2001	Korea	309,371	Undisclosed	23.00	
Apollonia	2003	Korea	309,021	Asian	27.00	
Shamrock	2011	China	156,516	Danish, Navigare	30.00	
HS Tosca	2004	Korea	115,635	Greek, Spring Marine Bulk SA	13.50	
Maersk Misaki	2011	Japan	47,980	Undisclosed	16.70	
Narodny Bridge	2003	Korea	47,791	Indian, Seven Islands	8.50	
Masalli	2007	Russia	13,030	Russian	5.46	SS/DD passed Dec 2017
Majorque	2006	Turkey	3,645	Undisclosed	3.50	Epoxy coated, SS Feb 2020 DD Jun 2019
Azur	1997	Turkey	2,609	Undisclosed	1.75	Chemical IMO II/III, epoxy coated
CONTAINERS						
Bermuda	52,382	2010	Philippines	Greek, Navios	12.00	4,330 Teu, enbloc with Bahamas
Bahamas	52,173	2010	Philippines	Greek, Navios	12.00	4,330 Teu, enbloc with Bermuda
Akkaz	2006	7,833	China	Undisclosed	1.60	620 teu, Ice class II, gearless, dual engines, UAE owner, SS Oct 2021 DD Mar 2020
OTHERS						

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tankers	300,000 dwt	90.75	3	Daewoo, Korea	Hunter Group	2020	
Bulkers	61,000 dwt	Undisclosed	4	Dalian/ Nantong COSCO, China	Jiangsu Ocean Shipping	2020	
Containers	2,700 teu	29.30	3	Yangzijiang, China	SITC	2020	
Cruise	5,426 pax	75.00	2	SWS, China	Carnival Cruise	2023	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc **Panamax** kết thúc tuần ở mức 11.975 đô la Mỹ, giảm so với mức đóng cửa cuối tuần trước là 12.263 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, MOL thuê tàu King Barley (82.177 dwt, 2012) nhận tại CJK đi qua Indonesia và trả tàu tại Japan với giá 12.750 đô la Mỹ. Libra thuê Seneca (83.975 dwt, 2013) nhận tại CJK đi qua East Australia với mức 14.000 đô la Mỹ. Huayang Spirit (75.784 dwt, 2013) được Pacific Basin chốt cho chuyến hàng từ Weihai đi qua NoPac và trả tàu tại Singapore-Japan với giá 12.750 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Bunge thuê GNG Concord 2 (75.337 dwt, 2014) nhận tại Gibraltar đi qua US Gulf và trả tại Brazil với giá 10.750 đô la Mỹ, tiếp đến D'amico chốt Ibis Wind (82.937 dwt, 2013) nhận tại Terneuzen đi qua Murmansk và trả tại Skaw-Gibraltar với giá 14.500 đô la Mỹ. Với các tuyến một chiều, tàu Explorer Asia (81.093 dwt, 2016) được Glencore chốt đi từ Karaikal qua East Coast South America và trả tại khu vực South East Asia với giá 14.750 đô la Mỹ. Norvic chốt chiếc Marietta (73.641 dwt, 2004), một chiếc tàu được Noble thuê lại, nhận tại east coast south America đi Việt Nam với giá 15.500 đô la Mỹ cộng với 550.000 đô la Mỹ bb. Với thị trường thuê định hạn, Louis Dreyfus chốt Fyla (84.104 dwt, 2013) nhận tàu tại Haldia và thuê khai thác trong vòng 3-5 tháng sau đó trả tàu tại nơi bất kì với giá 14.500 đô la Mỹ.

Tuần này phân khúc **Supra** mất 379 đô la Mỹ tính theo mức TCE, với chỉ số BSI đóng cửa tuần ở mức 11.254 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Cargill chốt Paqueta Island (58.707 dwt, 2009) nhận tại Aliaga thông qua Black Sea đi West Africa với giá 18.000 đô la Mỹ. Meadway chốt Melida (53.806 dwt, 2012) cho chuyến hàng một chiều từ North Brazil đi khu vực AG-Japan với mức 13.500 đô la Mỹ cộng với 330.000 đô la Mỹ bb. Tại Thái Bình Dương, Olam chốt Kyra Panaghia (63.351 dwt, 2015) cho chuyến hàng từ NoPac đi South East Asia với giá 12.000 đô la Mỹ cộng với 240.000 đô la Mỹ bb. Tàu Amfitriti (58.814 dwt, 2010) được chốt nhận tại Port Kelang chở mặt hàng than của Indonesia đi Thailand với giá 9.000 đô la Mỹ. Không có báo cáo nào được đưa về từ thị trường thuê định hạn dành cho phân khúc tàu trên.

Phân khúc **Handy** tuần này tiếp tục xu hướng giảm, khi tuột 125 đô la Mỹ và đóng cửa tuần ở mức 9.474 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Oldendorff chốt Moleson (34.266 dwt, 2010) từ US Gulf đi Ireland với giá 17.250 đô la Mỹ và Vil Atlantic (37.812 dwt, 2010) chốt nhận tàu tại Dneprobugskiy đi Continent. Tại Thái Bình Dương, Cherry Island (28.200 dwt, 2014) được chốt nhận tại Lanqiao đi East Coast India với khoảng 8.500 đô la Mỹ. Tương tự, không có báo cáo nào được ghi nhận cho thị trường thuê định hạn của phân khúc này.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 45 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 45	TUẦN 44	Mức thấp nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 45)	Mức cao nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 45)
TRANSATLANTIC RV	13,000	13,000	7,100	16,000
TCT CONT/F.EAST	20,000	20,000	15,000	23,000
TCT F.EAST/CONT	4,550	4,600	4,300	5,200
TCT F.EAST RV	11,000	11,100	8,300	13,750
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	14,100	14,300	11,000	16,000
PACIFIC RV	10,000	10,250	8,000	12,500
TCT CONT/F.EAST	17,500	17,500	16,000	20,500

GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 09/11/2018

	US$/ngày	▼/▲	
CAPESIZE	11,250	▼	7,162
PANAMAX	11,975	▼	288
SUPRAMAX	11,254	▼	489
SMALL HANDY	9,474	▼	143

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

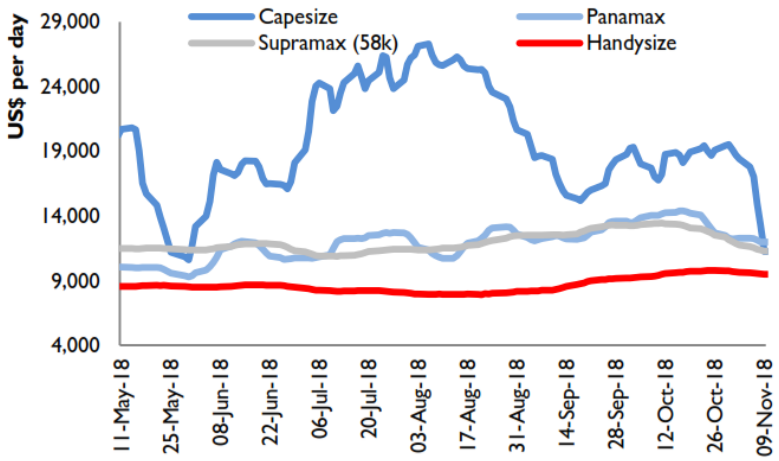

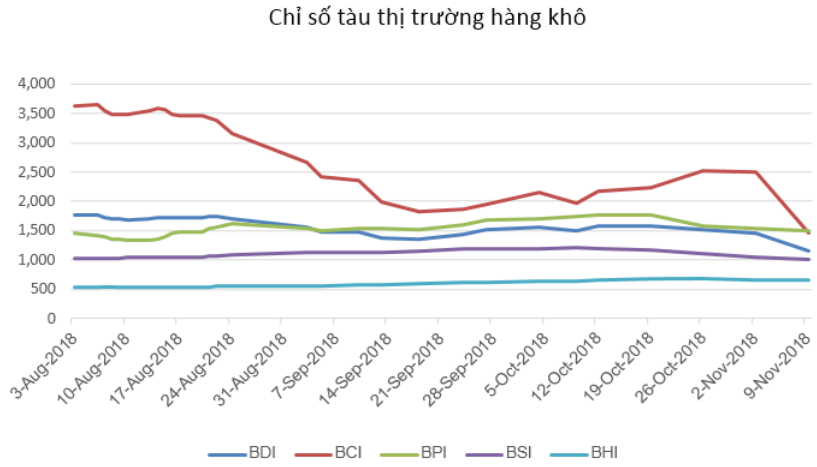

3.2 Thị trường thuê tàu dầu:

❖ **THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:**

Nhìn chung, xu hướng của thị trường tàu VLCC diễn ra khá sôi động trong thời gian vừa qua với mức cước WS 100 được ghi nhận, tương đương với mức trung bình $50k/ngày. Theo báo cáo, các hoạt động giao dịch trên thị trường có phần dịu đi trong tuần vừa qua, do người thuê đang cân đối và sắp xếp lại hàng hóa để ký kết được mức cước cạnh tranh hơn. Tuy nhiên, với các đơn hàng sẵn sàng tại khu vực Meg cùng với nguồn cung tàu đang được thắt chặt thì các chủ tàu có cơ sở để hy vọng rằng thị trường sẽ tiếp tục ổn định trong một vài tuần tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
MEG/West	VLCC	40,0	40,0	16,0	40,0
MEG/Japan	VLCC	93,0	100,0	35,0	100,0
MEG/Singapore	VLCC	97,0	100,0	35,5	100,0
WAFR/EAST	260.000	90,0	97,0	37,5	97,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	VLCC	30.000	30.000	30.000	21.000

❖ **THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:**

Tại thị trường North sea và Baltic, nhìn chung bước vào những tháng mùa đông nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại khu vực phía Bắc đang tăng cao. Hiện tại, nhiều chủ tàu đang cố gắng duy trì mức cước ổn định bằng cách chờ đợi các đơn hàng tiếp theo tại khu vực. Tuy nhiên, điều này đã khiến cho nguồn cung tàu tăng lên dẫn đến các chủ tàu phải chấp nhận ký kết ở mức cước thấp hơn để tiếp tục duy trì hoạt động của tàu. Tại khu vực Med và Bsea, xu hướng thị trường đang diễn ra khá trầm lắng do nguồn cung tàu tại khu vực đang tăng lên. Tại thời điểm báo cáo, cước từ khu vực Lybia đang dao động quanh mức WS 130.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
N.Afr/Euromed	80.000	130.0	180,0	75,0	182,5
UK/Cont	80.000	122.5	145,0	90,0	160,0
Caribs/USG	70.000	235.0	255,0	80,0	260,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	Aframax	16.500	15.000	16.500	13.500

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Thị trường tàu MR ở khu vực phía đông trong tuần vừa qua đang có dấu hiệu khởi sắc. Theo báo cáo, cước trên từ khu vực WC.India đi Japan lên mức WS 145. Tại khu vực Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan đang giao động quanh mức $265'.
Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo báo cáo, cước trên tuyến UKC/USAC đang ở mức WS 115. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước đã tăng lên mức WS 145.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
WCI/Japan	30.000	145,0	145,0	110,0	150,0
UKC-Med/States	37.000	115,0	110,0	100,0	165,0
USG/UKC-Med	38.000	145,0	140,0	67,0	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	MR	13.000	13.000	14.000	13.000

3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	445	▼ 20	455	
2	India	425		435	
3	Pakistan	430		440	
4	Turkey	260		270	
5	China	160		170	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)
(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 45/2018

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt ldt)	Dwt	Comments
New Discovery	Tanker	2000	42,099	Pakistan	450	279,989	
Stellar Fair	Bulker	1990	35,565	Bangladesh	467	266,629	
Intan	Tanker	1968	29,800	Bangladesh	444	178,351	
Akinada Bridge 7	2001	2001	24,294	Bangladesh	486	71,366	
Saffron	Tanker	1998	22,615	Undisclosed	468	157,406	
Magnavia	Container	1996	10,312	Undisclosed	478	30,620	
Bella J	Container	1995	8,186	Bangladesh	455	24,370	
Pacific Pearl	Container	1998	4,727	Undisclosed	441	11,064	
Petalidi	Container	1993	3,724	India	472	14,111	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU
Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.